

Tập 16

Giảng đường của chúng ta là đạo tràng giảng kinh quanh năm, nên có nhiều chỗ có thể tĩnh lược. Chẳng hạn như kinh chia thành ba phần là Tự, Chánh, Lưu Thông, mỗi bộ kinh đều là như thế, ở đây, cũng có thể chẳng cần nói tới. Chúng ta xem kinh văn, trang tám mươi sáu, hàng thứ hai từ dưới đếm lên:

Như thị.

如是。

Hàng thứ hai đếm từ dưới lên nơi trang tám mươi bảy là:

Ngã văn.

我聞。

Đôi với phần mở đầu kinh này là “*như thị ngã văn*”, trong phần chú giải ở chỗ này có mấy câu rất hay, chúng ta đọc chú giải: “*Như Thị giả, chư pháp Thật Tướng, cổ kim bất dị, danh Như. Như lý nhi thuyết, vi Thị. Quyết định khả tín, cố vân Như Thị*” (Như Thị: Thật Tướng của các pháp xưa nay chẳng khác, nên gọi là Như. Nói đúng như Lý là Thị. Quyết định đáng tin, nên nói là Như Thị). Trong Tự Phần của một bộ kinh, có thể chia thành hai phần, phần trước gọi là Chứng Tín Tự, phần sau là Phát Khởi Tự. Có thể nói là Chứng Tín Tự thì mỗi bộ kinh đều giống nhau, Phát Khởi Tự chẳng vậy. Phát Khởi Tự là mỗi bộ kinh đều có nhân duyên đặc biệt, nhân duyên đặc biệt nhằm nói rõ sự xuất hiện của bộ kinh này, mỗi bộ đều khác nhau. Hai chữ Như Thị bao hàm ý nghĩa hết sức sâu rộng, ở đây chỉ dùng hai câu để giải thích hết sức tinh vi, thỏa đáng, rất khó có. Thật Tướng của các pháp là chân tướng của hết thảy các pháp, chân tướng vĩnh viễn chẳng biến đổi, đó là Như. Đức Phật giảng hết thảy các kinh nhằm giảng rõ cho chúng ta biết chân tướng của hết thảy các pháp. Vì thế, đức Phật nói gì? Phật nói về Như. Nói sâu, nói rộng, chẳng có một pháp nào không Như. Nói dài, nói ngắn, luôn luôn chẳng ra ngoài phạm vi này. Do vậy, đức Phật giảng kinh bèn đúng như Lý mà nói, đó gọi là Thị.

Thật Tướng mà được nói đúng như Lý thì chúng ta chắc chắn có thể tin tưởng, nên trong phần Chứng Tín, đặt hai chữ ấy đầu tiên, gọi là Tín Thành Tự. Đôi với Phật pháp, nếu chúng ta không tin tưởng, sẽ chẳng có cách nào tiếp nhận. Không chỉ là Tịnh Độ Tông nhấn mạnh ba điều kiện Tín, Nguyện, Hạnh, mà đối với tất cả hết thảy các kinh luận Đại Tiểu Thừa, nếu quý vị chẳng tin, chắc chắn là sẽ chẳng đạt được thụ dụng. Vì thế, một phần tin tưởng chân thành, sẽ được một phần lợi ích; mười phần tin tưởng chân thành, sẽ được mười phần lợi ích. Phải biết những điều do Phật, Bồ Tát nói chính là Thật Tướng của các pháp, là tướng chân thật của hết thảy các pháp, có mấy ai biết? Nay chúng ta mở kinh điển ra, vẫn cứ phê phán, phê bình, [vận dụng] cách nghĩ, cách nhìn của ta, còn làm gì được nữa? Chẳng có cách nào! Cách nhìn và cách nghĩ của ta đều chẳng phải là

chân tướng của các pháp, nhưng lại sử dụng chúng để phê bình chân tướng của các pháp, hết cách! Kinh Phật thường gọi hạng người ấy là Nhất Xiển Đề (Icchantika). Nhất Xiển Đề dịch sang nghĩa tiếng Hán là “chẳng có thiện căn”, do chẳng thể tiếp nhận giáo huấn của thánh nhân, nên chẳng có thiện căn. Vì thế, phần này là Tín Thành Tụ.

Trong hàng thứ tư nơi trang tám mươi bảy cũng có mấy câu rất hay, chúng ta xem từ câu thứ hai: “*Duy Viên sơ tâm, tức liễu chư pháp nhất nhất trung thật, đương xứ giai Như. Xứng thử nhi đàm, vô phi viết Thị*” (Chỉ có bậc sơ tâm trong Viên Giáo hiểu rõ sự chân thật trong mỗi một pháp, ngay nơi đó đều là Như. Nói tương xứng với điều đó, không sai, nên gọi là Thị). Trong Đại Thừa Phật pháp, khó có nhất là căn tánh viên đốn. Căn tánh viên đốn từ đâu mà có? Đương nhiên là phải nói tới căn bản, tức là nhiều đời nhiều kiếp trong đời quá khứ đã luôn tu học pháp môn này, đời này gặp được kinh luận viên đốn, vừa tiếp xúc liền tâm khai ý giải, tự nhiên sanh tâm hoan hỷ. Đó là thiện căn sâu dày trong đời quá khứ. Đó là nhân tố cơ bản, nhân tố quan trọng nhất. Kế đó, gặp được duyên phận viên đốn, gặp giáo học viên đốn, trải qua một thời gian huân tập khá dài, căn cơ viên đốn hiện tiền; do vậy, có thể tiếp nhận pháp môn này. Tình hình như vậy cũng chẳng ít, mà cũng là khá nhiều. Trong lịch sử Trung Quốc, khá nhiều vị tổ sư đại đức, nói thật ra, sau khi đã nghiên cứu kinh giáo bao nhiêu năm, bèn hoát nhiên khai ngộ, nhập pháp môn này, đó là căn tánh đã chín muồi. Nếu không phải do nguyên nhân này, sẽ khá khó khăn.

Có ai chẳng hy vọng chính mình là căn tánh viên đốn? Có thể có niệm ấy, hễ có ý niệm ấy thì đều là đã có thiện căn trong đời quá khứ. Hiện tại, chúng ta chẳng thể Viên, mà cũng chẳng thể Đốn, thì phải đổ nhiều công sức nơi kinh điển, tăng cường trợ duyên. Có người sau bao nhiêu năm [dốc sức nơi kinh điển], cũng biến thành [căn tánh viên đốn] thật sự, kiến giải và tư tưởng viên dung, chẳng còn chấp trước nữa, chẳng lo mài chuốt đầu sừng trâu nữa¹, tư tưởng đã mở rộng. Tâm khai ý giải, viên dung xuyên suốt, đều phải cấy vào sự huân tập bằng kinh giáo Đại Thừa viên đốn. Ở Trung Quốc, những kinh điển phổ biến nhất là Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Viên Giác, cũng như kinh Vô Lượng Thọ của Tịnh Tông chúng ta đều thuộc loại đại pháp viên đốn. Bậc sơ tâm trong Viên Giáo đáng quý, vừa tiếp xúc liền hiểu rõ, chẳng còn hoài nghi, có thể tiếp nhận, dần dần thông hiểu: Hết thấy các pháp, không pháp nào chẳng Như. Pháp nào cũng đều Như, pháp nào cũng đều Thị; tư tưởng và kiến giải hết sức đáng quý. Tuy cách Phật còn rất xa, nhưng đã tương ứng với Phật, đã tiếp cận Phật. Sợ là quý vị chẳng chịu học, chứ càng học sẽ càng tiếp cận, tốc độ tiếp cận lại còn tăng nhanh hơn. Vì thế, hết sức đáng quý. Khó nhất là kẻ nghi ngờ, lo lắng trùng trùng, nghe nói như vậy, bèn: “Ta chẳng cho là đúng, kẻ này thuyết pháp kiểu này, kẻ kia

¹ Nguyên văn “*toản ngu giác tiêm*” (mài nhọn đầu sừng trâu), đây là một thành ngữ ngụ ý: Tốn công phí sức tìm tòi, nghiên cứu, rốt cuộc chỉ là chuyện thừa thãi, chẳng thể giải quyết vấn đề. Từ ngữ này còn có một ý nghĩa khác là kiến giải hẹp hòi, chẳng thể mở rộng tâm nhìn.

thuyết pháp kiêu nọ”, khó khăn lắm! Người ấy có quá nhiều chứng ngại! Tôi giới thiệu đơn giản [chữ Như Thị] đến đây!

Câu kế tiếp là Ngã Văn. Ngã Văn chính là Văn Thành Tụ, không chỉ là Văn Thành Tụ mà còn biểu thị sư thừa. Giáo học của Phật pháp và Trung Quốc thời cổ đều coi trọng sư thừa. Không chỉ là Nho Gia, Đạo Gia, mà những người có nghề khéo trong xã hội, làm thợ nề, làm thợ mộc trước nay đều có sư thừa. Quý vị theo học với ai? Đều là xuất thân từ thân phận học trò, đều có thầy, thật sự tiếp nhận sự chỉ dạy của thầy. Ý nghĩa này cũng được biểu thị ở đây, câu “*thân thừa hữu tại*” (đích thân hiện diện tiếp nhận) trong lời chú giải chính là nói về sư thừa. Chữ Ta (Ngã) trong kinh là tôn giả A Nan tự xưng. Thuở ấy, đức Phật chỉ có nói kinh; đức Phật nói, chứ chẳng trước tác. Đức Phật chẳng viết một bộ kinh nào để lại cho đời sau, chẳng có, [kinh] là do đức Phật nói. Ai đã biên tập, ghi chép thành văn tự để truyền lại cho đời sau? Đó chính là chuyện của tôn giả A Nan. Vì lẽ đó, Ta là tôn giả A Nan tự xưng. “*Văn*” (聞) là đích thân nghe đức Phật nói, chẳng phải là nghe nói lại, mà là chính mình tự nghe đức Phật giảng. Những lời này đều nhằm làm chứng cho chúng ta, [khiến cho chúng ta] có thể quyết định tin tưởng!

Câu thứ ba là:

Nhất thời.

一時。

Kinh văn mở đầu bằng “*như thị ngã văn, nhất thời Phật tại... (nơi nào)*”, đây là một trong sáu thứ Thành Tụ, nhằm chứng tín với chúng ta. Hai chữ Nhất Thời ở trong trang tám mươi chín, nói đến lúc thuyết kinh. Chúng ta biết: Theo kinh điển ghi chép, tôn giả A Nan đa văn bậc nhất. Những kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật giảng trong bốn mươi chín năm, Ngài được nghe toàn bộ, chẳng sót một bộ nào! Theo như kinh nói, tôn giả trẻ tuổi nhất trong các anh em họ của đức Phật. Anh em họ của Phật có tất cả tám người, xếp theo vai vế, Thích Ca Mâu Ni Phật lớn nhất, A Nan nhỏ nhất. Ngài A Nan hạ sanh nhằm ngày đức Phật thành đạo, đến hai mươi tuổi mới theo Phật xuất gia, làm thị giả của đức Phật. Đức Phật giảng kinh đã hai mươi năm, những kinh đã giảng trước đó, Ngài chẳng nghe, vì sao có thể nói “những kinh đã nói trong bốn mươi chín năm Ngài đều nghe”? Ngài xuất gia, đặt điều kiện cùng Thích Ca Mâu Ni Phật: “Những kinh Ngài đã giảng trong hai mươi năm trước, xin giảng một lần cho con nghe, con mới theo Ngài xuất gia. Nếu Ngài chẳng giảng cho con nghe, con chẳng theo Ngài xuất gia”. Đức Phật đáp ứng, những kinh đã giảng trước kia đều nói lại một lượt. Đồng thời, những kinh nào đức Phật chưa nói, còn có các học trưởng, tức là trong số các bạn học có những người thuộc lớp đàn anh, đã nghe, nên cũng nói lại cho ngài A Nan nghe. Vì thế, đối với các kinh đã giảng trong một đời đức Phật, ngài A Nan nghe viên mãn nhất. Ngài A Nan trí nhớ tốt nhất, gần giống như máy đầu âm, sau khi nghe xong một lần, vĩnh viễn chẳng quên. Đó là nghe rộng, nhớ dai, là bậc vô cùng hy hữu trong các đệ tử đức Phật.

Do vậy, sau khi đức Phật diệt độ, các đồng học lo lắng, cả một đời đức Phật giảng kinh điển nhiều như thế, nếu không lưu truyền hậu thế sẽ rất đáng tiếc. Vì thế, thỉnh ngài A Nan thăng tòa, trùng tuyên các kinh do đức Phật đã giảng. Vừa giảng, các đồng học ngồi dưới bèn ghi chép, biên tập, chỉnh lý thành sách. Lần kết tập đầu tiên gồm năm trăm vị A La Hán, năm trăm vị ấy đều là những người đích thân nghe đức Phật thuyết kinh. Nay ngài A Nan thăng tòa trùng tuyên, lặp lại, năm trăm vị A La Hán ai nấy đều gật đầu: “A Nan nói không sai, đức Phật dạy như thế” thì mới có thể ghi lại. Nếu có một vị chẳng đồng ý, câu ấy sẽ không được ghi chép lại. Không như hiện tại, đa số thông qua là được rồi. Khi kết tập kinh Phật, nếu một người cảm thấy có vấn đề, câu ấy sẽ không được ghi chép lại. Nhằm giữ chữ Tín với người đời sau, khiến cho người đời sau nhận thấy kinh điển có tánh chất đáng tin cậy. Nói cách khác, có tánh chất đáng tin cậy một trăm phần trăm, chẳng có chút hoài nghi nào. Vì thế, trong số những vị tham dự kết tập, hề có một vị phản đối là không được. Điều này cho thấy kinh Phật được kết tập nghiêm túc, nghiêm ngặt.

Đức Phật giảng ở chỗ nào? Giảng vào khi nào? Đương nhiên A Nan cũng biết rất rõ ràng. Vì sao không ghi chép đức Phật vào năm nọ, tháng nọ, ngày nọ? Xứ sở được nói rất rõ ràng, chỉ riêng thời gian là mơ hồ, mông lung, chỉ nói là “một thời”? Thuở ban đầu tôi đọc kinh Phật, đối với câu này chẳng phục cho lắm, vì sao chẳng ghi chép rõ ràng? Tuy thấy trong chú giải của cổ nhân cũng có rất nhiều cách giải thích về hai chữ này, nói thuở Phật tại thế, Ấn Độ chưa thống nhất. Chưa thống nhất, họ là dân tộc sống theo bộ lạc, giống như Trung Quốc vào đời Châu, thời nhà Châu chưa thống nhất. Thời Châu, có tám trăm chư hầu, tức là hơn tám trăm quốc gia. Chúng ta đọc Luận Ngữ hoặc đọc Mạnh Tử, [sẽ thấy nói] một đại quốc có kích thước là một trăm dặm. Tức là kích thước một trăm dặm thì là đại quốc, tiểu quốc rộng hai, ba mươi dặm, tức là một thôn làng nhỏ, tù trưởng trong ấy chính là quốc vương, bèn gọi là một nước. Do vậy, ngôn ngữ không thống nhất, văn tự không thống nhất, đo lường cũng không thống nhất, lịch pháp cũng không thống nhất. Còn tại Trung Quốc, đến các đời Hạ, Thương, Châu, lịch pháp đã thống nhất, tuy chư hầu địa vị bình đẳng, nhưng trong số các chư hầu, đề cử một vị đức cao vọng trọng làm lãnh tụ, mọi người dùng lịch pháp của vị ấy, nên việc này được gọi là “*ban chánh sóc*”². Trước kia, do điều gì mà coi là quy phụ (歸附) ta? Quý vị dùng lịch pháp của ta, tức là thuộc quốc của ta. Tại Ấn Độ chẳng giống như vậy! Lịch pháp tại Ấn Độ rất loạn; vì vậy, ghi chép năm, tháng, ngày, giờ đích xác là rất bất tiện. Mỗi tiểu quốc gia đều có lịch pháp khác

² Chánh Sóc (正朔): Chánh có nghĩa là khởi đầu của một năm, Sóc là ngày đầu tiên trong một tháng. Hiểu theo nghĩa hẹp, Chánh Sóc chính là ngày mùng Một tháng Giêng. Để định ra chánh xác ngày này, phải thông qua việc quan trắc thiên văn kỹ lưỡng, chỉ có giới cầm quyền mới có đủ nhân lực và tài lực tiến hành. Việc này được coi là “giao tiếp với thượng thiên để thấu hiểu thiên ý”, nên chỉ có nhà vua mới có quyền ban hành lịch pháp. Cho mãi đến đời Thanh, nếu người nào tự tiện quan sát thiên văn mà không phải là quan chức của Khâm Thiên Giám sẽ bị kết tội phản nghịch.

biệt. Đó là một nguyên nhân. Nguyên nhân này, nói thật ra là nói theo mặt Sự, vẫn y như cũ rất khó khiến cho người khác từng phục.

Cuối cùng, chúng ta xét theo Lý để nói thì sẽ là chánh xác. Nói theo Lý chính là mấy câu cuối trong đoạn chú giải này, trang tám mươi chín, hàng thứ hai đếm từ dưới lên, chúng ta xem từ chỗ đó: “*Dẫn thị chúng sanh cơ thực, Phật ứng thuyết kinh, cơ ứng hợp nhất chi thời, diệt thị Đế Trí hợp nhất thời dã, cố vân nhất thời*” (Chỉ vì căn cơ của chúng sanh chín muồi, Phật phải nên nói kinh. Lúc cơ ứng (cảm và ứng) hợp nhất, cũng chính là lúc Đế và Trí hợp nhất, nên nói là “nhất thời”). Chúng ta thấy cách nói này chẳng có vấn đề, cách nói này hết sức chánh xác. Cơ duyên của chúng sanh chín muồi, đức Phật thuyết pháp lúc đó là vừa khéo. Cơ duyên chín muồi, người ấy có thể tiếp nhận, nghe rồi sẽ khai ngộ, sẽ chứng quả. Duyên chẳng chín muồi, quý vị nói cho người ấy nghe vô ích, dẫu người ấy có thể tin tưởng, lý giải, nhưng chẳng chịu tu hành, cảm thấy chuyện này vẫn chẳng cần thiết, duyên chưa chín muồi mà! Vì thế, đây là lúc “*thầy trò đạo hợp, cảm ứng đạo giao*”, chúng sanh có cảm, Phật bèn ứng, cách nói này rất viên mãn. Đồng thời, quan niệm thời gian là giả, chẳng thật, nó là một khái niệm trừu tượng, tuyệt đối chẳng phải là thật thể. Chúng ta ở trên địa cầu nầy sanh quan niệm thời gian vì địa cầu tự xoay quanh nó một vòng, một mặt hướng về mặt trời, mặt kia ngược hướng mặt trời, một ngày một đêm là như vậy đó. Từ quan niệm ấy mà nầy sanh quan niệm thời gian. Nếu chúng ta rời khỏi địa cầu, hiện tượng ấy chẳng còn, quan niệm thời gian cũng chẳng còn. Vì thế, người hiện thời bay lên vũ trụ, thì trong vũ trụ chẳng có quan niệm thời gian.

Đồng thời, trong mỗi tinh cầu, nếu nầy sanh quan niệm giống như quan niệm thời gian [của chúng ta trên địa cầu] thì thời gian sẽ dài ngắn khác nhau. Như mặt trăng tự xoay chuyển quanh nó một vòng thì thời gian ấy bằng với thời gian mặt trăng xoay quanh địa cầu một vòng. Vì thế, một ngày trên mặt trăng trên thực tế là một tháng, tức là một ngày đêm [trên mặt trăng] có độ dài bằng một tháng [trên trái đất]. Tốc độ tự xoay của mỗi tinh cầu cũng khác nhau. Ngay trên địa cầu, trong quan niệm thời gian, chúng ta nói cứ một ban ngày và một ban đêm là một ngày đêm thì thời gian một ngày đêm cũng chẳng giống nhau, vì sao? Quý vị đến Nam Cực hoặc Bắc Cực, nửa năm có mặt trời, nửa năm tối đen, như vậy thì tại Nam Cực và Bắc Cực, một ngày đêm là một năm! Đó là chúng ta ở ngay trên địa cầu, chẳng rời khỏi địa cầu, mà quan niệm thời gian đã khác nhau, chẳng giống nhau. Nếu nhận định ban ngày và ban đêm như vậy thì chênh lệch quá lớn. Hiện thời, do giao thông phát triển, chẳng giống như trước đây. Do giao thông phát triển, trong một thời gian rất ngắn, chúng ta có thể đi khắp địa cầu một vòng. Hiện thời, mọi người đều biết tại mỗi địa phương có thời gian khác nhau, còn có quan niệm thời sai (Jet lag, desynchronosis). Trước đây, chẳng ai biết thời sai là gì, làm sao có chuyện lệch giờ cho được? Hiện thời biết có chuyện lệch giờ, xác thực là có. Nhưng chuyện này cũng chẳng thật, đều nầy sanh từ quan niệm trừu tượng, có chuyện này, nhưng chẳng phải là sự thật, chẳng chân thật.

Vì vậy, nếu nói thật sự, “*nhất thời*” chính là chúng ta và chư Phật, Bồ Tát cảm ứng đạo giao, nhất tâm. Nhất là thật, nhất tâm là năng cảm, Nhất Chân là

năng ứng, cảm ứng đạo giao. Vì thế, khi Trí Giả đại sư đọc kinh Pháp Hoa đến phẩm Dược Vương Bồ Tát, lão nhân gia liền nhập Định. Trong Định, Ngài đến núi Linh Thứu, Thích Ca Mâu Ni Phật vẫn đang giảng kinh Pháp Hoa tại đó, Ngài còn nghe một buổi. Trở về, xuất Định, bảo mọi người, hội Linh Sơn nay vẫn chưa tan, vẫn chưa giải tán. Chuyện này đã được các khoa học gia hiện thời chứng thực. Nếu có thể ngược dòng thời gian, quá khứ thấy đều tồn tại. Vì lẽ đó, người thật sự đắc Định có thể đến đời quá khứ, cũng có thể tiến nhập đời tương lai. Quá khứ, vị lai người ấy đều biết, có sao biết? Xác thực chẳng giả! Sở dĩ, chúng ta không thấy quá khứ, càng chẳng thấy được tương lai, giống như chúng ta xem phim là nhìn vào màn bạc. [Hình ảnh được chiếu trên] màn bạc là từng cảnh một qua đi, hề cảnh [vừa được chiếu] rất gần thì còn có chút ấn tượng, hề xa thì ấn tượng bèn mơ hồ, còn vị lai thì hoàn toàn chưa biết. Người có công phu định lực chẳng cần nhìn vào màn bạc, họ nhìn vào phim, vừa nhìn vào phim ảnh thì trước sau đều trông thấy, thấy toàn bộ. Tình hình tựa tựa như vậy đó!

Do đó, trong kinh dùng chữ “*nhất thời*” là sống động, hoạt bát. Công phu của chúng ta nếu đạt đến mức độ kha khá thì bất luận pháp hội nào của chư Phật, Bồ Tát, chúng ta đều có cơ duyên tham gia. Nếu nói nhất định là năm, tháng, ngày nào đó, đã qua rồi thì làm sao chúng ta có thể tham gia? Như Trí Giả đại sư tham gia một hội Pháp Hoa tại núi Linh Thứu, Trí Giả đại sư cách Thích Ca Mâu Ni Phật gần như một ngàn năm trăm năm, pháp hội vào một ngàn năm trăm năm trước thì làm sao quý vị có thể tham gia? Có thể tham gia là nhờ vào công phu định lực. Giống như bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ ở trong Thiên Định rất sâu, có thể tham dự pháp hội Hoa Nghiêm của Thích Ca Mâu Ni Phật. Vì thế, đắc Định thì giới hạn không gian và thời gian bị phá vỡ. Nay chúng ta nói là “không gian bốn chiều”. Không gian bốn chiều là do kể thêm thời gian. Dùng điều này bèn có thể giải thích Phật pháp, rốt cuộc Phật pháp là không gian mấy chiều? Vô hạn chiều! Chúng ta thấy điều này chẳng thể nghĩ bàn!

Chữ kế tiếp là:

Phật.

佛。

Phật là người thuyết pháp, nên đề mục của phần này là Minh Hóa Chủ (nói về người giáo hóa) trong trang chín mươi. Minh (明) là nói rõ vị chủ trì việc giáo hóa, tức là thầy. Ở đây, chữ Phật chỉ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Trong phần trước, đã thưa rõ cùng chư vị: Đức hiệu của Phật chính là mục tiêu và tông chỉ giáo học. Chư Phật, Bồ Tát đều chẳng có danh hiệu. Danh hiệu vì căn cơ của chúng sanh mà kiến lập, chẳng phải do chính mình nghĩ nên đặt tên là gì, mà vì căn cơ của chúng sanh. Từ chỗ này, chúng ta khẳng định, nhận thức: Phật giáo tuyệt đối chẳng phải là tôn giáo. Phật Giáo là nền giáo dục của Thích Ca Mâu Ni Phật. Chúng ta gọi Thích Ca Mâu Ni Phật là Bổn Sư. Bổn Sư là vị thầy căn bản, là vị thầy sáng lập giáo, là vị thầy khởi xướng giáo dục. Giống như người đọc sách thuở xưa tại Trung Quốc tôn xưng Khổng lão phu tử là Đại Thành Chí Thánh

Tiên Sư (大成至聖先師). Nói tới Tiên Sư tức là nói tới Khổng lão phu tử. Tiếp nhận sự giáo dục của đức Phật, chúng ta gọi Thích Ca Mâu Ni Phật là Bổn Sư, chúng ta xưng là đệ tử, đệ tử là học trò. Vì thế, mối quan hệ giữa chúng ta và Thích Ca Mâu Ni Phật là quan hệ thầy trò, phải hiểu rõ điều này. Tất cả các vị Bồ Tát là lớp đàn anh của chúng ta, Bồ Tát đều là học trò của Phật, là học trò khóa đầu. Chúng ta là học trò lớp sau. Chúng ta và các vị Bồ Tát là bạn học khóa trước khóa sau, cùng một thầy, phải hiểu rõ mối quan hệ này!

Nay chúng ta thấy người xuất gia bèn gọi họ là Hòa Thượng, nói thật ra, [xưng hô như thế] rất cung kính, nhưng là cung kính quá lố, đã gọi sai rồi! Danh xưng Hòa Thượng chớ nên gọi tùy tiện, thông thường gọi là Pháp Sư thì được. Hòa Thượng (Upādhyāya) là gì? Vị thầy trực tiếp chỉ dạy chúng ta bèn gọi là Hòa Thượng. Hòa Thượng là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán, sẽ giống như vị “*chỉ đạo giáo thụ*” (giáo sư hướng dẫn) trong trường Đại Học hiện thời. Ngài có quan hệ hết sức chặt chẽ với ta, thật sự phụ trách nhiệm vụ dạy bảo chúng ta thì ta mới gọi Ngài là Hòa Thượng. Giống như trong một ngôi trường, trong trường học có rất nhiều thầy, mấy trăm vị thầy, nhưng người mà ta thật sự theo học chỉ có mấy vị. Nhưng những vị khác đều là thầy trong nhà trường, chúng ta đều phải tôn trọng họ, còn vị thầy trực tiếp dạy bảo thì khác. Vì thế, xưng hô trong Phật môn có Hòa Thượng, có A Xà Lê. Hòa Thượng là người trực tiếp dạy bảo, chỉ dạy chúng ta, đảm nhiệm việc dạy dỗ. Trước kia, một ngôi chùa là một trường học, tức ngôi trường Phật giáo, Hòa Thượng giống như Hiệu Trưởng hiện thời, vị ấy chịu trách nhiệm toàn thể việc giáo dục [trong nhà trường]. A Xà Lê (Ācārya) giống như giáo viên, giáo viên là người chấp hành nhiệm vụ dạy học. Quy hoạch, thiết kế, ấn định phương châm giáo học là do vị hiệu trưởng, ai dạy quý vị? Hiệu trưởng dạy! Những người khác giúp đỡ hiệu trưởng, chấp hành kế hoạch giáo dục của vị ấy mà thôi. Vì thế, Hòa Thượng chỉ có một, không có nhiều như vậy. Nay chúng ta thấy những người cạo đầu đều kêu là hòa thượng, như vậy là không đúng! Đó là kiến thức Phật học thông thường chúng ta phải biết. Nhìn từ cách xưng hô này, ta thấy trong tôn giáo không có kiểu xưng hô ấy, chẳng có quan hệ ấy, Phật giáo đích xác là giáo dục, là giáo học. Chúng ta phải nhận biết rõ rệt thì mới có thể thật sự đạt được lợi ích nơi Phật pháp.

Ở đây, Phật là Chủ Thành Tựu. Trong pháp hội này, vị giảng kinh, thuyết pháp, giáo học là Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng chính là vị mà nay ta gọi là “người chủ giảng”.

Tại Vương Xá thành Kỳ Xà Quật sơn trung.

在王舍城耨闍崛山中。

(Tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quật).

Đây là xứ sở. Kinh thường dùng chữ Tại (在), chẳng dùng chữ Trụ (住). Trụ và Tại có sai biệt. Ở đây, phần chú giải giảng: “*Tạm thời viết Tại, cửu đình viết Trụ*” (Tạm thời thì là Tại, dừng lại lâu ở nơi nào thì gọi là Trụ). Kinh Phật luôn nói đức Phật ở tại một nơi nào đó, chẳng nói đức Phật trụ tại chỗ nào đó.

Nếu nói đức Phật trụ thì chẳng thể nói là xuất gia. Vì sao? Trụ thì nhất định có nhà. Nhà quý vị trụ ở chỗ nào? Ngài xuất gia, chẳng có nhà, không có chỗ nào là nhà để trụ. Không có chỗ trụ, nay quý vị ở chỗ nào? Tại và Trụ sai khác, chẳng giống nhau. Hễ xuất gia thì tận hư không khắp pháp giới đều là nhà của chúng ta, ngôi nhà ấy quá lớn. Vì thế, khi ấy, chẳng thể nói là Trụ, quý vị ở tại chỗ nào? Xưa kia, hoàng đế lấy cả nước làm một nhà, quốc gia: Quốc là nhà của vua. Hoàng đế ở chỗ nào đó, không nói là Trụ, mà gọi là “hành tại” (行在), [ngụ ý] nay vua đang đi đến nơi nào; vì sao? Vua chẳng rời khỏi nhà. Ví như nói quý vị đang ở trong nhà, từ phòng này sang phòng khác, quý vị trụ ở chỗ nào? Chẳng thể nói là Trụ, [mà phải nói là] quý vị đang ở tại nơi đâu? Tôi ở trong phòng, tôi ở tại phòng khách, tôi ở trong bếp, dùng chữ Tại, chẳng thể nói tôi trụ phòng khách, tôi trụ trong bếp, chẳng thể nói theo kiểu đó. Hoàng đế lấy cả nước làm nhà, sẽ chẳng thể nói trụ trong địa phương nào, mà nói là ở tại địa phương nào. Phật coi tận hư không khắp pháp giới là nhà, đương nhiên càng chẳng thể nói “trụ ở nơi đâu”. Chúng ta phải biết ý nghĩa được bao hàm trong các văn tự này. Phải biết đức Phật giảng kinh này tại núi Linh Thứu, chỗ này chúng tôi cũng không cần phải nói nhiều, phần chú giải cũng giảng rất rõ ràng.

Cuối phần chú giải có mấy câu, chúng ta đọc một lượt, những câu ấy rất đáng cho chúng ta tham khảo. Xem trang chín mươi hai, xem từ câu thứ hai nơi dòng thứ năm đếm từ dưới lên: “*Phàm thánh các các hữu năng trụ chi pháp*” (Phàm thánh mỗi vị đều có pháp để có thể trụ). Đây là nói tới Tại và Trụ. Đối với phàm phu và thánh nhân, Trụ là tâm quý vị an trụ ở nơi đâu? Tâm quý vị trụ ở chỗ nào? “*Thả như tỳ-kheo tu Giới, Định, Huệ, nãi dĩ Thiên, Phạm, Thánh Trụ, trụ ư phòng xá. Nhược phá giới, tắc dĩ địa ngục, súc sanh, trụ ư phòng xá*” (Lại như tỳ-kheo tu Giới, Định, Huệ, bèn dùng Thiên Trụ, Phạm Trụ, Thánh Trụ để làm phòng nhà mà trụ. Nếu phá giới, bèn dùng địa ngục, súc sanh để làm phòng nhà mà trụ). “*Phòng xá*” ở đây là nói tỷ dụ, chẳng phải là thật. Ở đây, chúng ta phải lưu ý, phải kiểm điểm, phải phản tỉnh, rốt cuộc tâm chúng ta đang trụ ở nơi đâu? Nói “*trụ ở nơi đâu*”, tức là tâm quý vị thường ghi nhớ, vương vấn điều gì thì tâm quý vị trụ ở nơi đó. Nếu tâm quý vị niệm niệm đều là Giới, Định, Huệ, tốt lắm! Quý vị trụ trong Phật pháp. Siêng tu Giới, Định, Huệ, đoạn diệt tham, sân, si, tốt lắm! Nếu tâm quý vị niệm niệm đều là tham, sân, si, vậy là quý vị trụ nơi tham, sân, si. Trụ trong Giới, Định, Huệ, quả báo là người, trời. Nếu trong tâm suốt ngày từ sáng đến tối đều nghĩ đến tham, sân, si, quả báo là trong tam đồ, tức là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Tâm quý vị tưởng gì, liền biến thành thứ đó. Sức tưởng càng mạnh thì chuyển biến càng mau! “*Như năng tu Nhất Tâm Tam Quán, tắc sở trụ xứ tức Không, Giả, Trung, khởi phi Lăng Nghiêm vi năng trụ pháp*” (Nếu có thể tu Nhất Tâm Tam Quán thì nơi để trụ chính là Không, Giả, Trung, há chẳng phải là pháp để trụ trong Lăng Nghiêm ư). Đây là nói tới Đại Thừa Bồ Tát trụ, trụ trong Tam Chỉ Tam Quán, còn trời, người, Tiểu Thừa trụ trong Giới, Định, Huệ. “*Sơ tâm thượng nhĩ, như hà Quả Phật? Duy luận thân trụ, suy chi, nhược ngã sài năng tinh trì Phật hiệu, chuyên tu tịnh nghiệp, đương xứ vô phi Cực Lạc Tịnh Độ hĩ*” (Sơ tâm mà còn như thế, huống hồ vị Phật đã chứng quả giác? Chỉ

luận về thân trụ, suy ra, nếu bọn ta có thể trì Phật hiệu chuyên ròng, chuyên tu tịnh nghiệp, ở ngay nơi đây thì không đâu chẳng phải là Cực Lạc Tịnh Độ vậy). Câu cuối cùng quan trọng. Hiểu đạo lý ấy, trong tâm chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối nhớ Phật, niệm Phật, chúng ta trụ ở nơi đâu? Chúng ta trụ trong thế giới Cực Lạc. Một người tuy chưa đến thế giới Cực Lạc, nhưng tâm đã trụ trong thế giới Cực Lạc; do tâm đã trụ trong thế giới Cực Lạc, lẽ nào chẳng sanh về thế giới Cực Lạc? Điều này rất quan trọng! Vì lẽ đó, ngàn vạn phần đừng vương mắc hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian.

Chính tôi trong mười năm gần đây, nói thật ra, thường rong ruổi bên ngoài, đối với sự tu học của chính mình có lợi ích rất lớn, lợi ích ở chỗ nào? Không có trụ xứ! Ở chỗ này hai tháng, lại vội vàng thu thập hành lý để ra đi. Ở Đài Loan lâu nhất là hai tháng, ở lâu nhất hai tháng lại ra đi, chẳng có trụ xứ. Ở Mỹ, chúng tôi thường đi mười mấy nơi để giảng kinh, đi khắp Đông, Nam, Tây, Bắc nước Mỹ. Ở Mỹ, chúng ta có mười một Tịnh Tông Học Hội, tại mỗi hội, tôi đều phải đến đó, giảng pháp môn Tịnh Độ cho họ. Hiện thời, có quá nhiều chỗ, nếu nói mỗi chỗ đều phải đến giảng một lần mỗi năm, bình quân mỗi chỗ ở lại mười ngày thì một năm ba trăm sáu mươi ngày chẳng đủ! Vì thế, hiện thời có rất nhiều nơi, ba năm mới đến phiên giảng một lần, đến ở đó một tháng, mỗi chỗ ở một tháng, cứ ba năm đến lượt tới đó một lần. Trong mười mấy năm ấy, quan niệm về Trụ chẳng có, quan niệm Nhà cũng không có, nhà ở chỗ nào? Chẳng có! Sau hai hôm lại phải đi rồi, đều là đang du hành. Vì thế, đến thế giới Sa Bà để du hành. Quê nhà ở nơi đâu? Quê nhà bên thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc vẫn chưa phải là quê nhà. Vì sao? Đã tới thế giới Cực Lạc, lại du hành đến mười phương thế giới, vĩnh viễn chẳng trụ, vĩnh viễn chẳng có trụ xứ. Đã tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, xác thực là trong tận hư không khắp pháp giới du hành không ngừng, xóa sạch quan niệm về Trụ. Quan niệm ấy là phiền não, chấp trước một nơi: Nơi này là nhà của ta, nầy sanh cảm tình đối với nó, nầy sanh tham luyến, đều gây trở ngại rất lớn đối với sự giải thoát của quý vị. Mỗi ngày đều du hành bên ngoài, quả thật có lợi ích rất to. Điều quan trọng nhất là tâm địa an trụ, trong mười hai thời, chẳng lìa khỏi danh hiệu, thời thời khắc khắc nghĩ tới y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Tây Phương. Đó là điều tốt đẹp.

Lại xem câu kế tiếp là Chúng Thành Tựu trong trang chín mươi lăm.

Dữ đại tỳ-kheo chúng.

與大比丘眾。

(Cùng với các vị đại tỳ-kheo).

Tôi chẳng cần giải thích núi Linh Thứu. Thành Vương Xá lẫn núi Linh Thứu đều chẳng cần giải thích. Trong trang chín mươi lăm, đối với câu “*dữ đại tỳ-kheo chúng*”, chúng ta xem phần giải thích. Chúng ta phải đặc biệt lưu ý đoạn này, nghiêm túc học tập. “*Dữ giả, cộng nghĩa*” (Dữ có nghĩa là cùng), cùng ở chung với mọi người. “*Nhất xứ*”, đây là xứ sở, cùng một nơi chốn. “*Nhất thời*” là cùng một thời gian, chẳng phải là trước sau sai biệt, mà là cùng một thời gian.

“Nhất tâm, nhất giới”, nhất tâm là kiến hòa đồng giải, mọi người trong đạo tràng này cùng nhau tu tập một pháp môn. Ví như đạo tràng này tu pháp môn Niệm Phật, chúng ta căn cứ vào kinh Vô Lượng Thọ. Tuy Tịnh Độ là năm kinh một luận, nếu ở chỗ này, chúng tôi căn cứ trên kinh Vô Lượng Thọ, kẻ khác y cứ kinh Quán Vô Lượng Thọ, sẽ thành tranh cãi, cùng là pháp môn Tịnh Độ mà cũng không xong! Tịnh Độ năm kinh một luận, do có sáu bộ kinh luận, sẽ mở thành sáu đạo tràng, sáu đạo tràng ấy chẳng thể cùng gộp lại. Hễ gộp chung lại sẽ tranh cãi, vì sao? Kiến giải khác nhau, sẽ có tranh luận. Quyết định là nương theo một bộ, kiến giải mới giống nhau, mọi người chẳng bàn ra tán vào, cùng nhau đều phải tuân thủ. Cho nên, cùng là tu Tịnh Độ đạo tràng, đạo tràng này của tôi nương vào kinh Vô Lượng Thọ, đạo tràng của người khác nương vào kinh A Di Đà, đạo tràng nọ nương theo kinh Quán Vô Lượng Thọ, có thể được, đều có thể thành tựu. Thành tựu chẳng có cao thấp, quyết định là bình đẳng, nhưng chẳng thể hợp lại cùng một chỗ. Hễ hợp lại, chắc chắn có rắc rối! Nếu người này niệm Phật, người kia tham Thiên, người nọ niệm chú, phiền phức còn lớn hơn nữa, chắc chắn là chẳng thể thành tựu. Chư vị đồng tu phải biết điều này!

Trung Quốc từ xưa tới nay, mỗi đạo tràng đều có học phong và đạo phong của đạo tràng ấy, nên họ đều có thành tựu. Học phong là kinh luận để căn cứ, đạo phong là phương pháp tu hành, ắt phải là hoàn toàn giống nhau thì mới thật sự là chí đồng đạo hợp, mới là “hào đồng tham”, tức là đồng tham đạo hữu tốt đẹp. Nay đối với hoàn cảnh tu học, khó nhất là tìm không ra một nơi chôn như vậy, chính mình mong tìm được một đạo tràng tu học chẳng dễ dàng tìm được. Tuy có nhiều đạo tràng, nhưng nếu nói đến đạo phong và học phong thì đều không có. Hiện tại có nhiều đạo tràng, chúng ta thấy rất nhiều người trụ, nhưng mạnh ai nấy tu, mọi người cùng tu là khi nào? Là hai thời công khóa sớm tối. Hai thời công khóa qua quít, không quan tâm, nói thật ra, hầu như chẳng có mấy may gì liên quan đến sự tu học! Vì thế, trong đạo tràng có lắm ý kiến, thậm chí rất nhiều phe phái! Mấy người một phái, lôi kéo mấy tín đồ theo phe của họ, đôi bên tranh chấp với nhau, kèn cựa lẫn nhau, đấu tranh kiên cố! Chỗ như vậy chẳng gọi là đạo tràng! Nếu gọi là đạo tràng, đấu qua đấu lại đều là ba ác đạo, [nơi đó] là đạo tràng tu ba ác đạo, chẳng phải là đạo tràng của Phật, Bồ Tát. Tu gì ở nơi đó? Tu tham, sân, si, quả báo trong tương lai là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, lầm lẫn đặc biệt to tát!

Nhất tâm, nhất giới, giới là quy luật sinh hoạt, thầy đều phải tuân thủ quy phạm sinh hoạt. “Nhất đạo, nhất kiến, nhất giải thoát” (Cùng một đạo, một kiến giải, một vị giải thoát), đó là nói đến phương pháp. Kiến là lý luận; lý luận, kiến giải, giải thoát là tự tại. Chữ “đẳng” có nghĩa là còn nhiều nữa, chỉ nêu đại lược mấy thứ. “Giai nhất” (Đều là một), thầy đều phải tuân thủ. “Cố danh Cộng dã” (Nên gọi là Cùng), như vậy thì mới gọi là Cộng. Đức Phật chế định giới điều cơ bản cho chúng ta, giới điều cơ bản để đại chúng cùng ở chung với nhau là Lục Hòa Kính. Ngũ Giới, Thập Giới, Sa Di Giới, Tỳ Kheo Giới do chính mình tuân thủ, chẳng phải là đòi hỏi mọi người phải tuân thủ, mà là bản thân mỗi cá nhân phải dùng những giới điều ấy để ràng buộc (kiềm chế) chính mình. Giới điều cơ

bản đề đại chúng ở chung với nhau là Lục Hòa Kính. Bốn người cùng tu với nhau, từ bốn người trở lên, có thể tu Lục Hòa Kính, bèn gọi là Tăng Đoàn. Vì thế, Tăng đoàn là đoàn thể cộng trụ của đệ tử Phật. Đoàn thể như vậy, mười phương chư Phật hộ niệm, hết thầy long thiên hộ pháp quý thân đều ủng hộ. Vì sao? Đó là đạo tràng danh phù hợp thật, là đạo tràng của Phật, Bồ Tát, chí tôn, chí quý, tốt bậc tôn quý trong hết thầy các pháp thế gian và xuất thế gian. Vì thế, tội lỗi phá hoại Tăng đoàn ấy là A Tỳ địa ngục.

Nhưng trong hiện tại, hai người ở chung, ý kiến cũng khác nhau. Bốn người ở chung với nhau, ý kiến, kiến giải giống nhau, tôi học Phật nhiều năm như vậy mà chưa hề thấy. Trung Quốc, ngoại quốc cho mãi tới bây giờ chưa hề thấy. Chẳng có Tăng đoàn Lục Hòa Kính, đáng chán quá! Nói thật thà, nếu Đài Loan xuất hiện một Tăng đoàn Lục Hòa Kính, đảo báu này có phước, vì sao? Chư Phật, Bồ Tát hộ niệm, long thiên hộ trì, cuộc đất này chắc chắn chẳng gặp nạn. Vì sao chẳng thể tu Lục Hòa Kính? Do không chịu buông lợi ích của chính mình xuống, vì tự tư tự lợi, chẳng có cách nào nữa! Tìm được bốn người thật sự có thể buông tự tư tự lợi xuống, chúng ta vì hai ngàn vạn đồng bào cầu phước, chẳng có ai phát tâm như vậy, thế mà vẫn nói “*phát Bồ Đề tâm, chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”. Độ ngoài miệng, trong tâm chẳng độ! Khó lắm! Thật sự là khó, mấy ai chịu phát tâm? Do đó, Lục Hòa Kính là giới điều cơ bản. Đệ tử thật sự của Phật mà chẳng thể giữ Lục Hòa Kính, nói thật thà, sẽ chẳng phải là đệ tử Phật. Tự xưng là đệ tử Phật, quý vị tự xưng, Phật, Bồ Tát chẳng thừa nhận, long thiên quý thân cũng chẳng thừa nhận. Chúng ta phải đặc biệt chú ý chuyện này.

Trong Lục Hòa Kính, quan trọng nhất là hai điều đầu tiên. Điều thứ nhất là kiến giải, tư tưởng phải giống nhau, thật sự là chí đồng đạo hợp. Thứ hai là Giới Hòa Đồng Tu, tức là cuộc sống có trật tự, có khuôn khổ. Mọi người ở chung với nhau phải có quy củ. Quy củ ấy có thể do chính mình ước định, Phật môn gọi [quy củ ấy] là Thanh Quy. Thanh Quy là giới luật hiện đại hóa, là giới luật được bản địa hóa, trong lúc này, tại cơ sở, nơi chốn của chúng ta, sống trong hoàn cảnh này, chúng ta hãy nên thực hiện như thế nào? Bản địa hóa tinh thần và nguyên tắc do đức Phật đã dạy, chính là đối với chi tiết thực hiện như thế nào thì chúng ta có thể tu chỉnh, ước định, sau khi đã tu chỉnh xong, mọi người phải tuân thủ. Vì vậy, mỗi tự miếu có quy củ của riêng tự miếu ấy. “*Thường trụ công ước*” thì phải là bản địa hóa, hiện đại hóa Thanh Quy, nhưng đều tuân thủ tinh thần giới luật.

“*Thân đồng trụ*”: Đồng trụ thì mỗi người một liêu phòng chẳng gọi là đồng trụ. Mỗi người một căn phòng chẳng gọi là đồng trụ. Đồng trụ là gì? Giống như phòng ngủ tập thể trong quân đội, đó là đồng trụ. Mỗi người ngủ một phòng, tu hành rất khó thành tựu, vì sao? Phiền não tập khí của chúng ta hết sức nặng, lúc đông người, sẽ thấy chúng ta rất quy củ, ngon lành lắm! Nhưng khi chẳng ai nhìn tới, sẽ buông lung, tật xấu lộ ra hết, đâu có ai thấy! Tôi ngủ chung một phòng tập thể, vẫn là thấy rõ môn một, quý vị ngủ nghề cũng giữ đúng quy củ, thật thà, chẳng thể loạn động, nên có thể thu được hiệu quả. Vì thế, quân đội nhất định phải ngủ trong phòng ngủ tập thể. Chẳng ngủ trong phòng tập thể, sẽ tạo phản.

Trong quân đội, cứ một ban là một đơn vị, mười mấy người ngủ chung một phòng tập thể, do ban trưởng cầm đầu, họ sẽ chẳng thể tạo phản. Học trò, giống như chúng tôi đi học trước đây, trong thời Kháng Chiến chúng tôi đều ngủ trong phòng tập thể, do một thầy cai quản, dễ cai quản. Mỗi người một phòng thì có thể quậy phá. Người xuất gia cũng là như thế, mỗi người một phòng tuyệt đối sẽ chẳng thể tu đạo thành tựu, trước mặt người khác là một kiểu, sau lưng lại là một kiểu khác! Vì thế, đạo tràng tại Đại Lục xưa kia đều là phòng ngủ tập thể, chẳng ngăn thành phòng riêng. Ngăn thành phòng riêng dành cho người tu hành đã lâu, từ sáu mươi tuổi trở lên, hành động chậm chạp, động tác khá chậm, không theo kịp đại chúng, người như vậy có thể ngủ một phòng riêng. Còn có các chấp sự về hưu, đã phục vụ thường trụ rất nhiều năm, như các vị Phương Trượng, Trụ Trì, Đương Gia Sư, Tri Khách Sư, do phải có trách nhiệm nên họ có phòng riêng. Thanh chúng (đại chúng thanh tu) đều phải ngủ trong phòng tập thể. Thanh chúng là người tu hành chân chánh. Đồng Trụ có ý nghĩa này. Nếu chẳng hiểu rõ ràng, sẽ thường làm sai. Hiện thời, chùa miếu có tiền, xây thật lớn, trong đó có rất nhiều liêu phòng, mỗi phòng đều có phòng vệ sinh riêng, có phòng phụ, mỗi người ở một căn, mong vãng sanh rất khó, rất không dễ dàng! Nếu muốn đắc Định, khó lắm! Thành tựu tam-muội rất khó khăn, tôi nói thật đấy! Cuộc sống như vậy mà có thể thành tựu thì chính là Phật, Bồ Tát tái lai, chẳng phải là lũ phàm phu chúng ta mà hòng tu thành, phải là Phật, Bồ Tát tái lai.

“*Khẩu vô tránh*”, mọi người ở chung với nhau quyết định chẳng tranh cãi. “*Ý đồng duyệt*”, pháp hỷ sung mãn. “*Lợi đồng quân*”, tứ sự cúng dường mọi người đều bình đẳng, rất khó thực hiện. A! Chúng ta tan học!